

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-5-2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Ngọc Anh;

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 378/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn M, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2021 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Chị H xây dựng hạnh phúc với anh Nguyễn Tuấn M do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn từ năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố

Hải Phòng do mất giấy kết hôn nên chị và anh M đã đăng ký kết hôn lại ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng với mẹ đẻ anh M tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Trong quá trình chung sống năm 2006 chị tham gia công tác thôn sau chuyển lên công tác tại Ủy ban nhân dân xã Q. Anh M không tin tưởng chị, anh M nghi ngờ chị cho rằng chị có quan hệ tình cảm với lãnh đạo xã thì chị mới được làm cán bộ. Trong suốt nhiều năm chung sống anh M hành hạ chị không những về thể xác mà còn hành hạ chị về tinh thần. Bản thân chị sống và làm việc trong các mối quan hệ trong công tác không có điều tiếng gì, chị đã phân tích giải thích nhưng anh M không hiểu không nghe nên cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn kéo dài nhiều năm. Năm 2020 chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh M nhưng được sự hòa giải của Tòa án, anh M nhận lỗi xin sửa đổi vợ chồng đoàn tụ nên chị đã rút đơn về đoàn tụ với anh M. Thực tế vợ chồng sống chỉ được một thời gian anh M không thay đổi cách sống, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được tuy ở chung nhà nhưng sống ly thân nhau vì tình cảm vợ chồng không còn đến tháng 01 năm 2022 chị ra ngoài thuê nhà trọ ở riêng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Tuấn M. Về con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 09 tháng 12 năm 1998 và Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2003. Hiện các con chị đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tuấn M có lời khai thể hiện: Anh nhất trí lời khai của chị H về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh xác nhận cuộc sống vợ chồng không hòa thuận nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không thực sự hiểu nhau, trước đây anh hiểu nhầm nghi ngờ chị H về mặt tình cảm nên có những lời nói không tôn trọng nhau dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng kéo dài nhiều năm. Năm 2020 chị H xin ly hôn anh nhưng được sự hòa giải của Tòa án và Ủy ban nhân dân xã Q chị H rút đơn vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không hòa hợp được. Chị H đã thuê nhà ở riêng từ ngày 12 tháng 01 năm 2022 và làm đơn ly hôn anh. Anh M mong muốn vợ chồng cho nhau cơ hội, anh xin đoàn tụ với chị H. Về con chung: Anh M nhất trí vợ chồng có 02 con chung, họ, tên, tuổi con như chị H trình bày, các con đã trưởng thành. Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia

đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tuấn M; về con chung: Chị H và anh M có 02 con chung đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị H và anh M không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung: Chị H và anh M không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Tuấn M. Anh M có nơi cư trú tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Đỗ Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Tuấn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tuấn M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tuấn M xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn từ năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng do chị H, anh M mất giấy đăng ký kết hôn và sổ lưu đăng ký kết hôn của xã Q không có tên nên anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn lại vào ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống chị H và anh M nhiều năm xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, anh M không tin tưởng chị H về mặt tình cảm, từ đó vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nhiều lần vợ chồng cãi vã, xô xát, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị H thuê nhà ở riêng và sống ly thân với anh M từ tháng 01 năm 2022. Hai bên không còn quan tâm đến nhau. Căn cứ tài liệu xác minh tại địa phương cho thấy: Chị H công tác tại Ủy ban nhân dân xã Q, trong mối quan hệ không có điều tiếng gì và trong công việc luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chị H xin ly hôn anh M, anh M mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không tìm chị H và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa anh M vắng mặt, chứng tỏ anh M từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Chị H xin ly hôn anh M là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 09 tháng 12 năm 1998 và Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2003, hiện các con đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tuấn M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tuấn M.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001156 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tuấn M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn